TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 24/2021/DSST
Ngày : 23-11-2021
V/v "Tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nam Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Cử và ông Nguyễn Ký.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 67/2021/TLST-DS ngày 15/10/2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2021/QĐXXST-DS ngày 04/11/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Bạch H** *(tên gọi khác Chiểu)*, sinh năm 1971.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Kim H1**, sinh năm 1982.

Đều trú tại: Khu phố T, thị trấn C, huyện S, tỉnh Phú Yên. Đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn trình bày:

Tôi có cho bà Nguyễn Thị Kim H1 vay tiền nhiều lần, mỗi lần đều có xác nhận chữ ký của bà H1. Tổng số tiền các lần vay là 258.000.000 đồng, tôi đã đòi nhiều lần, ngày 27/8/2021 bà H1 đã trả cho tôi 90.000.000 đồng, còn nợ lại 168.000.000 đồng. Nay tôi yêu cầu bà H1 phải trả cho tôi 168.000.000 đồng một lần và không yêu cầu tính lãi.

Tại bản khai và biên bản hòa giải có trong hồ sơ, bị đơn trình bày: Tôi **(**H1**)** thừa nhận các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp là chữ ký, chữ viết là của tôi nhưng chỉ vay của bà Nguyễn Thị Bạch H (tên gọi khác: Chiểu) 222.000.000 đồng, đối với số tiền 36.000.000 đồng theo giấy mượn tiền bà H cung cấp tôi không đồng ý vì tôi đã trả cho bà H.

Từ năm 2014 đến năm 2021 tôi (H1) có vay của bà H nhiều lần, tổng cộng số tiền vay cả gốc và lãi là 222.000.000 đồng, số tiền này tôi đã trả được 90.000.000

đồng. Hiện nay tôi chỉ còn nợ bà H 132.000.000 đồng, chứ không phải 168.000.000 đồng như bà H yêu cầu trả. Do có khó khăn nên tôi xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn chỉ thống nhất còn nợ nguyên đơn 132.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền, thời hiệu giải quyết vụ án:*

- Về quan hệ tranh chấp: Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản".

- Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn, bị đơn đều trú tại khu phố T, thị trấn C, huyện S, tỉnh Phú Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện S theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về thời hiệu khởi kiện: Thời hiệu khởi kiện vụ án vẫn còn theo quy định tại các Điều 184 và 185 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Nguyên đơn cung cấp các giấy mượn tiền bản viết tay đề ngày 09/9/2020 mượn 27.000.000 đồng; ngày 08/5/2021 mượn 170.000.000 đồng; ngày 10/6/2021 mượn 25.000.000 đồng (quyển sổ nhỏ ca rô, bút lục 05) là 222.000.000 đồng và 01 tờ giấy kẻ ngang (bút lục 13) ghi 07 lần mượn tiền với số tiền mượn là 36.000.000 đồng, tổng mười lần mượn là 268.000.000 đồng, ngày 27/8/2021 bà H1 đã trả cho bà H 90.000.000 đồng, còn nợ lại 168.000.000 đồng. Đây là hợp đồng dân sự vay tài sản do hai bên tự nguyện giao kết, nội dung thỏa thuận không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên có hiệu lực kể từ ngày giao kết, không đề cập ngày trả tiền. Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả đủ số tiền còn nợ 168.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Đối với khoản mượn các ngày 09/9/2020 mượn 27.000.000 đồng; ngày 08/5/2021 mượn 170.000.000 đồng và ngày 10/6/2021 mượn 25.000.000 đồng (quyển sổ nhỏ bút lục 05) là 222.000.000 đồng được bị đơn thừa nhận và phù hợp với biên bản hòa giải ngày 18/8/2021 của UBND thị trấn C. Do vậy bị đơn phải có trách nhiệm trả khoản mượn này là có cơ sở.

Đối với khoản mượn các ngày 02/6/2017 mượn 3.000.000 đồng; ngày 19/6/2017 mượn 5.000.000 đồng; 22/03/2017 mượn 5.000.000 đồng; ngày 14/3/2017 mượn 13.000.000 đồng; ngày 15/8/2017 mượn 5.000.000 đồng; ngày 15/8/2017 mượn 3.000.000 đồng và ngày 5/10/2018 mượn 2.000.000 đồng (Bút lục 13). Tổng cộng 36.000.000 đồng. Bà H1 cho rằng đây là tiền đóng lãi cho cô H, do không có tiền trả nên tôi (H1) ký giấy nợ vay lên để trả lãi, khoản tiền này đã

gộp vào khoản vay 170.000.000 đồng. Quá trình hòa giải và tại phiên tòa bà H1 không cung cấp được chứng cứ để bảo vệ cho mình.

Bị đơn chỉ xác nhận có vay nhiều lần và hiện còn nợ nguyên đơn 132.000.000 đồng. Tuy nhiên, bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho phần trình bày của mình. Căn cứ Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử nhận định phần trình bày của bị đơn không có cơ sở để chấp nhận.

Như vậy qua các lần mượn tiền với số tiền 258.000.000 đồng bà H1 mượn đều thừa nhận giấy tờ bà H cung cấp là chữ ký và chữ viết của mình. Ngày 27/8/2021 bà H1 đã trả được cho bà H 90.000.000 đồng và còn nợ lại 168.000.000 đồng. Việc bị đơn chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn là đã vi phạm sự thỏa thuận giữa các bên, vi phạm khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền 168.000.000 đồng là có cơ sở.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm, nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp dân sự có giá ngạch với số tiền án phí phải chịu là 5% x 168.000.000 đồng = 8.400.000 đồng *(Tám triệu bốn trăm ngàn đồng)*.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 1 Điều 147, Điều 184, Điều 185 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, khoản 1, khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Bạch H.

2. Bị đơn Nguyễn Thị Kim H1 có nghĩa vụ trả đủ cho nguyên đơn Nguyễn Thị Bạch H số tiền 168.000.000 đồng *(Một trăm sáu mươi tám triệu đồng)* về khoản tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Án phí: Buộc bị đơn Nguyễn Thị Kim H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5% x 168.000.000 đồng = 8.400.000 đồng *(Tám triệu bốn trăm ngàn đồng)*.

Hoàn trả cho nguyên đơn Nguyễn Thị Bạch H 4.200.000 đồng *(Bốn triệu hai trăm ngàn đồng)* tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002592 ngày 15/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Phú Yên.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện S;
- THADS huyện S;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Nam Trung